

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Kiệt.

Ông Nguyễn Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Diễm H, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Diễm T (Tên thường gọi: H1), sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Châu Diễm H trình bày:

Trong năm 2022, chị H có cho bà Trương Thị N vay tiền trong 03 lần với tổng số tiền vay là 125.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 27/5/2022, bà N vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất mỗi ngày là 50.000 đồng.

Ngày 15/6/2022, bà N vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 10%/tháng.

Ngày 18/6/2022, bà N tiếp tục vay số tiền 110.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 10%/tháng.

Cả 03 lần vay tiền bà N đều không thực hiện việc trả lãi và trả nợ gốc như đã thỏa thuận. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu bà N trả cho chị H tổng số tiền nợ gốc là 125.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, trong đó lần vay ngày 27/5/2022 số tiền lãi là 187.500 đồng, lần vay ngày 15/6/2022 số tiền lãi là 300.000 đồng, lần vay ngày 26/5/2022 số tiền lãi là 3.300.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà N phải trả cho chị H là 128.787.500 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị H giao nộp bản chính 02 Văn bản lần lượt là Giấy biên nhận ngày 27/5/2022 và Biên nhận mượn tiền ngày 18/6/2022. Riêng đối với lần vay tiền vào ngày 15/6/2022, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Giấy biên nhận ngày 27/5/2022 có nội dung: *“Tôi tên: Châu Diễm H sn: 1993. Nay ngày 27-5-2022 tôi có cho chị Trương Thị N: sn 1969 mượn 5.000.000 (Năm triệu đồng). Lãi ngày: 10.000đ/1 triệu. Thời hạn 10 ngày trả vốn + lãi”*. Biên nhận mượn tiền ngày 18/6/2022 có nội dung: *“Tôi tên Châu Diễm H 02-07-1993, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Nay là ngày 18-6-2022 tôi có cho chị Trương Thị N CCCD: 082169000645 ở Tổ 6, ấp G, P, T – Tiền Giang. Mượn số tiền là 110.000.000 (trệu) (Một trăm mười triệu đồng chẵn). Lãi suất theo thỏa thuận 2 bên. Thời hạn đóng lãi hàng tháng”*.

Bị đơn bà Trương Thị N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của bà N và ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà N trên 02 Văn bản lần lượt là Giấy biên nhận ngày 27/5/2022 và Biên nhận mượn tiền ngày 18/6/2022 (Ký hiệu A1, A2). Theo yêu cầu của chị H, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ có chữ viết, chữ ký của bà N làm mẫu so sánh là 02 Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu lần lượt ngày 09/9/2015 và ngày 28/4/2016 do Công an huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang cung cấp (Ký hiệu M1, M2). Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 02/2023/QĐ-

TCGD ngày 22/02/2023. Kết luận giám định số 225/KTHS-Đ2 ngày 29/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang thể hiện như sau:

“1. Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Thị N trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên Trương Thị N trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký ra và viết ra”.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản nợ lãi và nợ không có biên nhận, chị H chỉ yêu cầu bà N trả số tiền 115.000.000 đồng theo biên nhận. Ngoài ra, chị H còn yêu cầu bà N phải trả cho chị toàn bộ chi phí giám định là 2.800.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà N vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày bà T là mẹ của chị H, số tiền chị H cho bà N vay là của bà T, tuy nhiên giao dịch với bà N là do chị H thực hiện, bà T không có ý kiến và không yêu cầu gì trong vụ án, giữa bà T và chị H sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc bà N trả cho chị H số tiền còn nợ 115.000.000 đồng và chi phí giám định 2.800.000 đồng, đồng thời đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị H về việc buộc bà N trả số tiền nợ 10.000.000 đồng và khoản tiền lãi từ các lần vay tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bà Trương Thị N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[3] Về quyền lợi, nghĩa vụ của bà Võ Thị Diễm T: Theo đơn khởi kiện, các tài liệu giao nộp và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị H khởi kiện bà N liên quan đến giao dịch vay tiền giữa hai bên. Tại phiên tòa, chị H trình bày bà N vay tiền của mẹ chị - bà Võ Thị Diễm T và chị chỉ là người đứng ra làm giấy biên nhận

với bà N. Do đó cần xác định bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bà T có mặt tại phiên tòa, đồng ý bắt đầu tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với việc không tham gia từ giai đoạn thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, đồng thời xác định bà N viết biên nhận với chị H thì cần trả tiền cho chị H. Cả bà T và chị H đều thống nhất không tranh chấp với nhau về khoản tiền đã cho bà N vay. Trường hợp giữa hai bên có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, chị H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà N trả các khoản tiền lãi và tiền vay 10.000.000 đồng vào ngày 15/6/2022, tổng cộng 13.787.500 đồng. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của chị H là tự nguyện do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị Hương: Chị H yêu cầu bà N trả cho chị số tiền 115.000.000 đồng. Bà N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị H giao nộp bản chính 02 Văn bản lần lượt là Giấy biên nhận ngày 27/5/2022 và Biên nhận mượn tiền ngày 18/6/2022. Đồng thời, chị H đã yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của bà N và ra quyết định trưng cầu giám định. Tòa án đã thu thập được tài liệu mẫu so sánh là 02 Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu lần lượt ngày 09/9/2015 và ngày 28/4/2016 do Công an huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang cung cấp. Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 02/2023/QĐ-TCGD ngày 22/02/2023, trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết mang tên “Trương Thị N” trong 02 Văn bản mà chị H cung cấp so với các tài liệu so sánh có mẫu chữ ký và chữ viết của bà Trương Thị N có phải do một người ký ra hay không? Theo nội dung Giấy biên nhận ngày 27/5/2022, Biên nhận mượn tiền ngày 18/6/2022 và Kết luận giám định số 225/KTHS-Đ2 ngày 29/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang đã đủ cơ sở chứng minh bà N có nhận của chị H số tiền 115.000.000 đồng. Bà N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không thể hiện ý kiến việc bà đã trả cho chị H số tiền này hay chưa. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về lãi suất: Chị H trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận khi vay tiền là 10%/tháng. Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, chị H cho rằng bà N không trả được khoản lãi nào cho chị H. Bà N vắng mặt và không có ý kiến đối với vấn đề lãi suất và số tiền lãi đã trả. Mặt khác, chị H không yêu cầu bà N phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Chị H yêu cầu bà N trả số tiền còn nợ, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Bà N vắng mặt nên không thỏa thuận được với chị H. Việc bà N chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó yêu cầu của chị H buộc bà N trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí giám định: Chị H yêu cầu bà N phải trả cho ông toàn bộ chi phí giám định là 2.800.000 đồng. Mặt khác, kết quả giám định chứng minh yêu cầu của chị H là có căn cứ. Do đó, yêu cầu này của chị H là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của chị Châu Diễm H về việc buộc bà Trương Thị N trả số tiền 13.787.500 đồng (*Mười ba triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Diễm H.

Buộc bà Trương Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Châu Diễm H số tiền 115.000.000 đồng (*Một trăm mười lăm triệu đồng*), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Trương Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Châu Diễm H số tiền chi phí giám định là 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí:

Bà Trương Thị N phải nộp 5.750.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Châu Diễm H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.219.687 đồng (*Ba triệu, hai trăm mười chín nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng*), theo biên lai thu số 0008351 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm